

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2024/DS-ST

Ngày: 15/8/2024.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thanh Bình

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước

2. Ông Đào Khel

- Thư ký phiên tòa: ông Đặng Chí Thức, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 318/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 332/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H (H); địa chỉ: số A B, đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền số 347/2023/UQ-CNST, ngày 22/9/2023): ông Trần Ánh N - Chức vụ: chuyên viên cao cấp quan hệ khách hàng cá nhân H - Chi nhánh S1; địa chỉ: số A, đường T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962 và bà Dương Tú N1, sinh năm 1956; địa chỉ: số E, đường N, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: số nhà B, đường số G, Khu dân cư E, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Ánh N trình bày:

Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H – Chi nhánh S1 (H) đã cho ông Nguyễn Văn S và bà Dương Tú N1 vay tiền, cụ thể: theo hợp đồng tín dụng số 28777/21MN/HĐTD ngày 15/07/2021, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 28777/21MN/HĐTD/PL01 ngày 28/06/2023 và các khế ước nhận nợ vào ngày 15/07/2022 ông S, bà N1 có vay của H số tiền vay: 1.500.000.000 đồng và ngày 28/6/2023 số tiền 770.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất: lãi suất cho vay 03 tháng đầu tiên: 11.0%/năm và được H thay đổi từng thời kỳ; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động - bổ sung VLD kinh doanh rượu, bia, nước giải khát.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 1021, tờ bản đồ số 9, ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; diện tích: 660m², đất ở tại nông thôn 200m², đất trồng lúa 460m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AN 518280, số vào sổ cấp GCN: 353.H do UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 14/11/2008, cập nhật thay đổi ngày 15/07/2021 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 22774/21MN/HĐBĐ ngày 16/07/2021 tại Văn phòng C, số công chứng 6460, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 16/07/2021.

Đến hạn trả nợ, H nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Dương Tú N1 trả nợ nhưng ông bà vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ. Tính đến ngày 14/8/2024, tổng số tiền mà ông Nguyễn Văn S và bà Dương Tú N1 còn nợ của H gốc: 769.999.998 đồng; lãi trong hạn: 5.896.718 đồng; lãi quá hạn: 170.196.850 đồng, tổng nợ: 946.093.566 đồng.

Nay H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Dương Tú N1 phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho H theo các hợp đồng tín dụng hạn mức nêu trên với tổng số tiền 946.093.566 đồng và tiền lãi phát sinh đối với số nợ theo lãi suất thỏa thuận trong

hợp đồng tín dụng; khế ước nhận nợ đã ký kết với H kể từ sau ngày 15/8/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- Trường hợp ông Nguyễn Văn S và bà Dương Tú N1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H, đề nghị Tòa án tuyên cho H được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản mà ông S, bà N1 đã thế chấp cho H để ưu tiên thanh toán nợ.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Dương Tú N1*: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

+ Đối với các đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vì bị đơn vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng. Do bị đơn thực hiện không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng nên

nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Cho nên, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: vụ án trên được xác định quan hệ pháp luật theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ thường trú tại thành phố S theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: do các bên không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án không đặt ra xem xét về thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung:

[5] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Dương Tú N1 trả các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 28777/21MN/HĐTD ngày 15/7/2021 (sau đây viết tắt hợp đồng tín dụng): căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện vào ngày 15/07/2022 ông S, bà N1 có vay và nhận của nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng và ngày 28/6/2023 số tiền 770.000.000 đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng theo lời thừa nhận của nguyên đơn tính đến ngày 14/8/2024 bị đơn còn nợ gốc số tiền 769.999.998 đồng; về nợ lãi: lãi trong hạn số tiền 5.896.718 đồng, lãi quá hạn: 170.196.850 đồng. Nhận thấy, về số nợ gốc hiện nay đã quá hạn, về nợ lãi thì tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng các bên cũng có thoả thuận với nhau về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn là phù hợp với quy định Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận. Hiện nay, đã quá thời hạn thanh toán nợ mà bị đơn chưa thanh toán là vi phạm hợp đồng tín dụng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi là phù hợp với quy định theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự. Thấy rằng, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án, trong thông báo thụ lý vụ án Tòa án có ghi rõ các khoản nợ mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nhưng phía bị đơn không có phản đối gì nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và các khoản lãi là đủ cơ sở để chấp nhận.

[5.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: nhận thấy, khi thế chấp các bên có lập thành văn bản, hợp đồng thế chấp được công chứng và đã đăng

ký thế chấp với cơ quan có thẩm quyền, tại thời điểm thế chấp ông S là người được cấp giấy chứng nhận và cũng là người đang quản lý, sử dụng tài sản thế chấp; khi thế chấp nguyên đơn có tiến hành xem xét, thẩm định tài sản thế chấp đúng theo quy định. Như vậy, về trình tự thủ tục thì hợp đồng thế chấp giữa bị đơn với nguyên đơn đã đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Dân sự về thế chấp tài sản. Cho nên, đến hạn thanh toán nợ mà bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để ưu tiên thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 299 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự.

[6] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 990.000 đồng: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước nên bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 990.000 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn không phải chịu án phí.

[8] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự; cũng như quan điểm về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ: Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 325 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H: buộc ông Nguyễn Văn S và bà Dương Tú N1 có trách nhiệm

trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H số nợ gốc 769.999.998 đồng và các khoản lãi: lãi trong hạn: 5.896.718 đồng, lãi quá hạn: 170.196.850 đồng, tổng cộng 946.093.566 đồng.

2. Kể từ ngày 15/8/2024, ông S, bà N1 tiếp tục trả các khoản tiền lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với số tiền gốc và thời gian chậm thi hành án.

3. Đến hạn thanh toán nợ mà ông S, bà N1 không có khả năng thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 1021, tờ bản đồ số 9, ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; diện tích: 660m², đất ở tại nông thôn 200m², đất trồng lúa 460m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AN 518280, số vào sổ cấp GCN: 353.H do UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 14/11/2008 cho ông Nguyễn Văn S và cập nhật thay đổi vào ngày 15/07/2021 để ưu tiên thanh toán nợ.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 990.000 đồng, bị đơn phải chịu toàn bộ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước nên bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 990.000 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H không phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H số tiền đã nộp tạm ứng là 18.098.500 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009677, ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

5.2. Ông Nguyễn Văn S, bà Dương Tú N1 phải chịu là 40.382.807 đồng.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND-TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- TAND -TST;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thanh Bình